



QUỐC HỘI

Luật số

/2023/QH15

**ĐỰ THẢO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**LUẬT**  
**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU**  
**CỦA LUẬT NHẬP CẢNH, XUẤT CẢNH, QUÁ CẢNH, CƯ TRÚ**  
**CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 51/2019/QH14.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 như sau:

“3. Thị thực có giá trị một lần hoặc nhiều lần; thị thực cấp cho trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này có giá trị một lần.”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Thị thực ký hiệu SQ có thời hạn không quá 30 ngày.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thị thực ký hiệu HN, DL, EV có thời hạn không quá 03 tháng.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 19a như sau:

**“Điều 19a. Các nước, vùng lãnh thổ có công dân được cấp thị thực điện tử và các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử**

Chính phủ quyết định danh sách các nước, vùng lãnh thổ có công dân được cấp thị thực điện tử; danh sách các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử trên cơ sở không làm phương hại đến quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của Việt Nam.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 31 như sau:

“c) Đối với công dân của nước được Việt Nam đơn phương miễn thị thực thì cấp tạm trú 30 ngày và được xem xét giải quyết cấp thị thực, gia hạn tạm trú theo quy định của Luật này;”.

1/001



5. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

**“Điều 33. Khai báo tạm trú**

1. Người nước ngoài tạm trú tại Việt Nam phải thông qua người trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động của cơ sở lưu trú để khai báo tạm trú với Công an xã, phường, thị trấn hoặc đồn, trạm Công an nơi có cơ sở lưu trú. Cơ sở lưu trú có trách nhiệm yêu cầu người nước ngoài xuất trình hộ chiếu và giấy tờ có giá trị cư trú tại Việt Nam để thực hiện khai báo tạm trú trước khi đồng ý người nước ngoài tạm trú.

2. Cơ sở lưu trú du lịch là khách sạn thực hiện việc khai báo tạm trú cho người nước ngoài qua Trang thông tin điện tử. Cơ sở lưu trú khác khai báo tạm trú cho người nước ngoài qua Trang thông tin điện tử hoặc Phiếu khai báo tạm trú.

Trường hợp khai báo tạm trú cho người nước ngoài qua Phiếu khai báo tạm trú, người khai báo tạm trú ghi thông tin vào Phiếu khai báo tạm trú và chuyển đến Công an xã, phường, thị trấn hoặc đồn, trạm Công an nơi có cơ sở lưu trú trong thời hạn 12 giờ, đối với địa bàn vùng sâu, vùng xa trong thời hạn là 24 giờ kể từ khi người nước ngoài đến cơ sở lưu trú.

3. Người nước ngoài thay đổi nơi tạm trú hoặc tạm trú ngoài địa chỉ ghi trong thẻ thường trú hoặc khi có sự thay đổi thông tin trong hộ chiếu phải khai báo tạm trú theo quy định tại khoản 1 Điều này.”.

6. Bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 2 Điều 44 như sau:

“đ) Xuất trình hộ chiếu và giấy tờ có giá trị cư trú tại Việt Nam cho cơ sở lưu trú để thực hiện khai báo tạm trú theo quy định.”.

7. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 45 như sau:

“3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác chỉ sử dụng lao động là người nước ngoài, tổ chức chương trình du lịch hoặc cho người nước ngoài tạm trú qua đêm khi người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam, trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm phải thông báo cho cơ quan Công an nơi gần nhất.”.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm....

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa... , kỳ họp thứ... thông qua ngày... tháng... năm....*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**